

Số: 16/2022/QĐST- DS

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 25/ TLST-DS ngày 03/3/2022 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Anh Vũ Duy T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ 5, phường TL, Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

* **Bị đơn:** Chị Linh Thị Th, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 10, phường TĐ, Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

Anh Nguyễn Ngọc B, sinh năm 1988 (chồng chị Th)

Địa chỉ: Tổ 10, phường TĐ, Thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên nhất trí thỏa thuận: Anh Vũ Duy T đồng ý nhượng lại cho chị Linh Thị Th và anh Nguyễn Ngọc B phần diện tích đất là 88,6 m² loại đất ở tại đô thị thuộc thửa số 326, tờ bản đồ số 22 tại địa chỉ: Tổ 10, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số DC154630 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Nguyên cấp ngày 10/9/2021 mang tên Vũ Duy T). Trong đó, có 73,3m² đất anh B, chị Th đã xây nhà ở, phần phía sau nhà là 9,6m², phần phía trước nhà anh B, chị Th xây hiện đang sử dụng làm đường đi là 6,1 m². Vị trí thửa đất cụ thể như sau;

Phía bắc giáp đường đi, vị trí từ điểm 28-11 = 3,98m;

Phía nam giáp thửa 184, tờ bản đồ 22 của bà Xuân, vị trí từ điểm 4-15 = 6,21m;

Phía tây giáp thửa 326, tờ bản đồ 22 của anh Vũ Duy T, vị trí từ điểm 28-4 = 19,57m;

Phía đông giáp thửa 439, tờ bản đồ số 22 của anh B, chị Th, từ điểm 11-15 = 24m.

(Có trích đo hiện trạng của công ty TNHH Hà Nguyên Châu kèm theo).

2.2. Anh B, chị Th có trách nhiệm thanh toán cho anh Vũ Duy T 450.000.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi triệu đồng*). Thời hạn thanh toán chậm nhất ngày 11/10/2022. Hình thức thanh toán chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Kể từ ngày 12/10/2022 người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà chị Thu, anh B không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì còn phải chịu lãi suất tương ứng với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

2.3. Phần chi phí tố tụng khác: Chi phí đo đạc, thẩm định tài sản là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng). Anh T nhận nộp toàn bộ chi phí này, đã quyết toán xong.

2.4. Án phí: Chị Linh Thị Th và anh Nguyễn Ngọc B nhận nộp 11.000.000 đồng (*Mười một triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước. Hoàn lại cho anh Vũ Duy T 2.500.000 đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 000989 ngày 03/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên
- VKSND Thành phố TN;
- Chi cục THADS Thành phố TN;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Tứ Xuân

